TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **12**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 03/5/2019
Về ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thị Phương Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Hoài, bà Nguyễn Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Diệu Linh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương*, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Tưởng- Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 119/2019/TLST-HNGĐ ngày 05/3/2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/3/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17/4/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh **Lê Văn H**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số 10/10/13 H, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Chị **Nguyễn Thị Bích T**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số 3/48 N, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, nguyên đơn là anh Lê Văn H trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Bích T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thị xã Y *(nay là thành phố Y)*, tỉnh Yên Bái ngày 02/4/1999. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại thị xã Y đến năm 2007 thì chuyển về sinh sống tại thành phố H cho đến nay. Cuộc sống chung hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do chị T không chịu khó làm ăn, không chăm lo cho gia đình. Chị T chơi bời còn làm ảnh hưởng đến

kinh tế gia đình, anh đã nhiều lần trả nợ thay cho chị T. Gia đình hai bên nhiều lần góp ý nhưng chị T không sửa đổi. Vợ chồng không quan tâm đến nhau, việc ai người đó làm diễn ra một thời gian dài mà không có biện pháp khắc phục. Xác định cuộc sống chung không hạnh phúc và anh không còn tình cảm với chị T nên anh xin ly hôn chị T.

Anh và chị T có hai con chung là Lê Thị Vân L- sinh ngày 17/3/2000 và Lê Việt N- sinh ngày 27/12/2010. Anh không đề nghị giải quyết việc nuôi dưỡng cháu L vì cháu đã thành niên. Anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và tự nguyện không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Anh không đề nghị Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung.

Quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, Toà án nhiều lần triệu tập bị đơn là chị Nguyễn Thị Bích T nhưng chị T đều vắng mặt và không có quan điểm về các nội dung liên quan đến vụ án gửi cho Toà án.

Bà Nguyễn Thị Đ *(mẹ đẻ chị T)* trình bày: Anh H và chị T tự nguyện kết hôn và ở riêng sau khi kết hôn, không ở chung với gia đình bên nào. Mấy năm gần đây, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do chị T không quan tâm đến chồng, con. Chị T mải chơi dẫn đến nợ nần làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Bà có khuyên bảo và anh H đã tạo nhiều cơ hội cho chị T sửa đổi nhưng không có kết quả. Vì vậy đề nghị Tòa án chấp nhận cho anh H được ly hôn chị T.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát xác định Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã tuân theo và chấp hành đúng; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội. Đề nghị HĐXX: Xử cho anh H được ly hôn chị T. Giao cháu N cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Buộc anh H phải chị án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về tố tụng*: Anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị Bích T được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên toà. Anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] *Về hôn nhân*: Anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị Bích Thuỷ tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Cả hai bên đều đã đủ tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ khi đăng ký kết hôn

và chung sống với nhau sau khi có giấy đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Trình bày của anh H phù hợp với trình bày của bà Nguyễn Thị Đ về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do chị T chơi bời làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, không quan tâm đến chồng con. Dù đã được gia đình góp ý nhưng chị T không sửa đổi dẫn đến việc vợ chồng bất đồng quan điểm sống; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đìn; việc ai người đó làm. Tình trạng này kéo dài làm cho hôn nhân giữa hai bên lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị T vắng mặt và không có quan điểm gửi cho Tòa án thể hiện chị không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng và không có thiện chí đoàn tụ với anh H. Vì vậy cần xử cho anh H được ly hôn chị T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Anh H và chị T có hai con chung là Lê Thị Vân L- sinh ngày 17/3/2000 và Lê Việt N- sinh ngày 27/12/2010. Cháu L đã thành niên và anh H không đề nghị giải quyết việc nuôi dưỡng nên HĐXX không xem xét. Chị T không có quan điểm nuôi dưỡng con chung; anh H đề nghị được nuôi dưỡng con chung chưa thành niên phù hợp với nguyện vọng của cháu N xin được ở với anh H. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, HĐXX cần giao cháu N cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh là tự nguyện nên cần chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] *Về án phí*: Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Lê Minh H và chị Nguyễn Thị Bích T.

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh Lê Minh H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Việt N- sinh ngày 27/12/2010 kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị Nguyễn Thị Bích T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Lê Minh H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai số AA/2017/0005877 ngày 05/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Anh H đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương;
- UBND phường Đồng Tâm, TP. Yên Bái tỉnh Yên Bái (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

Quách Thị Phương Thúy